

Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 ở các trường tiểu học quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

Hồ Văn Thống*; Tạ Thị Thanh Tâm**

*TS. Trường ĐH Đồng Tháp; **HVCH ĐH Huế

Received: 2/8/2023; Accepted: 14/8/2023; Published: 24/8/2023

Abstract: The article evaluates the current situation of managing information technology application activities in teaching under the 2018 general education program in elementary schools in Go Vap district, Ho Chi Minh City, from a survey of 200 subjects including: 17 administrators and 183 teachers. The survey results were processed by us according to the percentage and the average value according to the 5-level Likert scale to analyze and evaluate the situation. The research results show that there are still many shortcomings in the management of information technology application activities in teaching in primary schools in Go Vap district, which is the basis for proposing management measures appropriate methods to improve the quality and effectiveness of information technology application activities in teaching according to the 2018 general education program in these local primary schools..

Keywords: Manage; Activities; application; information technology; primary school

1. Đặt vấn đề

Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong dạy học được coi là trọng tâm, khâu đột phá trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục phổ thông năm 2018. Muốn phát huy tối đa hiệu quả của CNTT trong dạy học, các trường cần tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị công nghệ thông tin; nâng cao trình độ, kỹ năng CNTT cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; thực hiện đồng bộ việc ứng dụng CNTT trong các hoạt động giảng dạy; tiếp tục thực hiện đổi mới, bám sát mục tiêu chất lượng giáo dục và đào tạo theo chương trình giáo dục phổ thông 2018. Thực tiễn này đã được nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước chỉ ra. Tác giả David M. Kennedy và cộng sự qua nghiên cứu “Sử dụng CNTT trong dạy và học ở Hồng Kông” cho rằng việc hướng dẫn để sử dụng CNTT trong dạy học sẽ đem lại hiệu quả dựa trên các phương pháp mà giáo viên và học sinh sử dụng (Dr. David M. Kennedy và cs, 2010); nhóm nghiên cứu của Azidah Abu Ziden và cs thì cho rằng việc sử dụng CNTT để dạy các môn khoa học có tác động tích cực đáng kể đến kết quả học tập của học sinh. Việc giáo viên sử dụng CNTT tốt hơn dẫn đến chất lượng giảng dạy cao hơn (Azidah Abu Ziden và cs, 2011); năm 2012 nhóm tác giả Mohammad Javad Riasati và cs cũng khẳng định qua nghiên cứu đề tài “CNTT trong dạy học: những lợi thế và rào cản” kết luận rằng CNTT có tác động tích cực đến cả phương pháp giảng dạy và học sinh. Ngoài ra, họ tìm thấy năm lợi ích và sáu rào cản đối với CNTT trong giảng dạy (Mohammad

Javad Riasati và cs, 2012). Với nghiên cứu “Sử dụng phương tiện nghe nhìn trong dạy học ở tiểu học một cách đơn giản và hiệu quả” tác giả Deepa Awasthi đã chỉ ra hiệu quả của việc sử dụng các thiết bị đa phương tiện nhằm kích hoạt các giác quan của học sinh để nâng cao chất lượng dạy học (Deepa Awasthi, 2014). Bên cạnh đó, ở Việt Nam cũng đã có những nghiên cứu về việc ứng dụng CNTT trong dạy học và đã chỉ ra những thực trạng, đề xuất được các biện pháp quản lý hiệu quả như: nghiên cứu “Ứng dụng bài giảng điện tử trong thực hiện phương pháp dạy học tích cực ở Học viện Chính trị” (Phan Văn Tỵ, 2013); tác giả Lê Hồng Vân với nghiên cứu “Quản lý hoạt động ứng dụng CNTT vào dạy học ở các trường tiểu học huyện Đông Anh thành phố Hà Nội” (Lê Hồng Vân, 2015); đề tài “Quản lý hoạt động Ứng dụng CNTT trong dạy học tại các trường Tiểu học quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội” (Nguyễn Thị Bích Thủy, 2019); đề tài “Quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học tại các trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia huyện Đông Biên, tỉnh Điện Biên” (Nguyễn Thị Minh Khánh, 2019).

Những nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy ứng dụng CNTT đã cải thiện chất lượng giáo dục. Việc ứng dụng CNTT đã tạo điều kiện để các phương pháp mới được triển khai trong giáo dục. Tuy vậy, thực tiễn còn nhiều bất cập trong công tác quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học, từ việc lập kế hoạch, chỉ đạo, tổ chức, đánh giá kết quả việc ứng dụng CNTT vào dạy học còn nhiều hạn chế. Điều

này ở các trường Tiểu học quận Gò Vấp, Tp Hồ Chí Minh cần phải tìm hiểu, đánh giá đúng thực trạng để có cơ sở đề xuất các biện pháp quản lý hiệu quả đáp ứng đổi mới chương trình giáo dục hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng lập kế hoạch ứng dụng CNTT trong dạy học ở tiểu học

Ứng dụng CNTT trong dạy học là một xu thế của giai đoạn bùng nổ và phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật và thông tin. Việc này đòi hỏi các nhà quản lý trường học cần làm tốt các biện pháp quản lý của mình để việc Ứng dụng CNTT trong dạy học đáp ứng được các yêu cầu của XH. Kết quả khảo sát CBQL và GV về kế hoạch ứng dụng CNTT trong dạy học ở tiểu học được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 2.1. Kết quả đánh giá việc lập kế hoạch ứng dụng CNTT trong dạy học của CBQL, GV

TT	Nội dung	Đối tượng	Mức độ đánh giá của CBQL/GV										
			1		2		3		4		5		\bar{X}
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Lập kế hoạch QL UDCNTT vào hoạt động chuẩn bị và thiết kế kế hoạch dạy học	QL	0	0	0	0	0	0	11	64.71	6	35.29	4.35
		GV	0	0	0	0	0	0	145	79.23	38	20.77	4.20
2	Xây dựng quy định, yêu cầu về UDCNTT trong việc soạn KHBD	QL	0	0	0	0	0	0	10	58.82	7	41.18	4.41
		GV	0	0	0	0	0	0	139	75.96	44	24.04	4.24
3	Chỉ đạo việc UDCNTT vào hoạt động chuẩn bị và thiết kế kế hoạch dạy học	QL	0	0	0	0	5	29.41	7	41.18	5	29.41	4.00
		GV	0	0	0	0	38	20.77	125	68.31	20	10.92	3.90
4	KTBGKHBD có UDCNTT của GV	QL	0	0	0	0	0	0	9	52.94	8	47.06	4.47
		GV	0	0	0	0	0	0	108	59.02	75	40.98	4.41

Kết quả bảng 2.1 cho thấy kết quả đánh của CBQL, GV từ mức thấp nhất là (3,90) đến cao nhất là (4,47), các kết quả đánh giá của CBQL, GV không có sự chênh lệch nhiều. So với thang đo 5 mức độ thì kết quả này chủ yếu ở mức 4, mức “thường xuyên” và mức 5, mức “rất thường xuyên” điều này cho thấy công tác lập kế hoạch ứng dụng CNTT trong dạy học ở các trường tiểu học quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh có thực hiện. Tuy vậy, từ bảng 1 thấy rằng vẫn còn một bộ phận CBQL, GV chỉ đánh giá ở mức 3, trong

đó có (29.41%) CBQL và (20.77) GV cho rằng công tác chỉ đạo việc lập kế hoạch UDCNTT vào hoạt động dạy học vẫn còn thấp.

2.2. Thực trạng tổ chức, chỉ đạo thực hiện ứng dụng CNTT trong dạy học ở tiểu học

Bảng 2.2. Kết quả đánh giá việc tổ chức, chỉ đạo thực hiện hoạt động dạy học ở tiểu học

TT	Nội dung	Đối tượng	Mức độ đánh giá của CBQL/GV										
			1		2		3		4		5		\bar{X}
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Tổ chức lập kế hoạch QL UDCNTT vào tổ chức thực hiện KHDH	QL	0	0	0	0	0	0	11	64.71	6	35.29	4.35
		GV	0	0	0	0	0	0	144	78.69	39	21.31	4.21
2	Tổ chức xây dựng và phổ biến chuẩn đánh giá đối với giờ dạy có UDCNTT	QL	0	0	0	0	0	0	8	47.06	9	52.94	4.53
		GV	0	0	0	0	0	0	132	72.13	51	27.87	4.28
3	Tổ chức hội giảng, hội thảo chuyên đề “UDCNTT vào dạy học”	QL	0	0	0	0	6	35.29	7	41.18	4	23.53	3.88
		GV	0	0	0	0	48	26.23	125	68.31	10	5.46	3.79
4	Tổ chức dự giờ, rút kinh nghiệm các tiết dạy có UDCNTT	QL	0	0	0	0	3	17.65	6	35.29	8	47.06	4.29
		GV	0	0	0	0	23	12.57	116	63.39	44	24.04	4.11
5	Chỉ đạo giáo viên sử dụng các phần mềm hỗ trợ cho quá trình dạy học	QL	0	0	0	0	6	35.29	6	35.29	5	29.41	3.94
		GV	0	0	0	0	62	33.88	103	56.28	18	9.84	3.76
6	Chỉ đạo GV hướng dẫn HS UDCNTT trong học tập, tự học	QL	0	0	2	11.76	8	47.06	7	41.18	0	0	3.29
		GV	0	0	46	25.14	117	63.93	20	10.93	0	0	2.86
7	Động viên, khen thưởng cá nhân, tập thể có thành tích tốt trong UDCNTT trong dạy học	QL	0	0	5	29.41	9	52.94	3	17.65	0	0	2.88
		GV	0	0	67	36.61	101	55.19	15	8.20	0	0	2.71

Kết quả khảo sát bảng 2.2 cho thấy bảy nội dung được CBQL, GV đánh giá có điểm trung bình từ thấp nhất (2,71) đến cao nhất (4,53), so với thang đo đánh giá 5 mức độ thì các kết quả này chủ yếu ở

mức 3, mức 4, mức 5; các kết quả đánh giá của CBQL, GV không có sự chênh lệch đáng kể cho thấy độ tin cậy của các kết quả khảo sát. Trong đó, nội dung 7 “Động viên, khen thưởng cá nhân, tập thể có thành tích tốt trong việc UDCNTT trong dạy học” được CBQL, GV đánh giá thấp nhất; nội dung 6 “Chỉ đạo giáo viên hướng dẫn học sinh UDCNTT trong học tập, tự học” được CBQL, GV đánh giá ở mức 3, các nội dung 1 “Tổ chức lập kế hoạch QL UDCNTT vào việc tổ chức thực hiện KHDH”; nội dung 2 “Tổ chức xây dựng và phổ biến chuẩn đánh giá đối với giờ dạy có UDCNTT” được CBQL, GV đánh giá ở mức 5; nội dung 4 “Tổ chức dự giờ, rút kinh nghiệm các tiết dạy có UDCNTT” CBQL đánh giá mức 5 nhwung

GV đánh giá mức 4; nội dung 5 “Chỉ đạo giáo viên sử dụng các phần mềm hỗ trợ cho quá trình dạy học” CBQL, GV đánh giá ở mức 4. Những kết quả trên cho thấy rằng việc tổ chức chỉ đạo thực hiện việc ứng dụng CNTT vào tổ chức thực hiện hoạt động dạy học ở các trường tiểu học quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh có thực hiện nhưng chưa đồng bộ, nhiều nội dung còn ở mức thấp điều này sẽ ảnh hưởng đến kết quả ứng dụng CNTT trong dạy học.

2.3. Thực trạng KTĐG ứng dụng CNTT trong học tập của học sinh

Kết quả khảo sát cho thấy CBQL và GV đánh giá việc kiểm tra ứng dụng CNTT trong học tập của HSTH Quận Gò Vấp có điểm trung bình từ (2.71) thấp nhất đến (4.35) cao nhất, các kết quả này so với thang đo đánh giá likert 5 mức độ thì ở các mức 3, mức 4, mức 5. Trong đó: cả hai nội dung 5 “Chỉ đạo việc ỨDCNTT vào việc xử lý điểm” và nội dung 6 “Động viên, khen thưởng cá nhân, tập thể có thành tích tốt trong việc ỨDCNTT để KTĐGkết quả học tập của học sinh” có kết quả đánh giá của CBQL, GV đều ở mức 3; nội dung 1 “Lập kế hoạch quản lý ỨDCNTT trong việc KTĐGkết quả học tập của HS” được CBQL đánh giá có điểm trung bình là (4.35) ở mức 5 có thứ bậc cao nhất trong sáu nội dung khảo sát, trong khi đó ở nội dung này GV chỉ đánh giá ở mức 4 có điểm trung bình (4.08), tuy vậy khoảng cách điểm trung bình đánh giá của CBQL và GV ở mức thấp (0,27); ở nội dung 2 “Tổ chức ỨDCNTT trong việc KTĐGkết quả học tập của HS” kết quả đánh giá của CBQL, GV đều ở mức 4, với điểm trung bình đánh giá của CBQL(4,06); GV(4,03) có chênh lệch (0,03) là không đáng kể, điều này cho thấy có độ tin cậy, tương quan thuận giữa hai nhóm đánh giá; tương tự ở nội dung 3 “KTĐGviệc ỨDCNTT trong việc KTĐGkết quả học tập của HS” kết quả đánh giá của CBQL, GV đều ở mức 4, với điểm trung bình đánh giá của CBQL(4,0); GV(4,01) có chênh lệch (0,01); nội dung 4 “Chỉ đạo xây dựng ngân hàng đề kiểm tra” có kết quả điểm trung bình đánh giá của CBQL(4,29) ở mức 5 và của GV(4,04) ở mức 4, tuy vậy chênh lệch của hai nhóm đánh giá ở nội dung này chỉ (0,25) ở mức thấp điều này cho thấy kết quả có sự tương quan thuận.

Từ kết quả khảo sát và phân tích thực trạng ở bảng 3 có thể rút ra rằng việc kiểm tra ứng dụng CNTT trong học tập của HSTH Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh là có thực hiện, các kết quả đánh giá có sự tương quan thuận giữa CBQL, GV, điểm trung bình đánh giá có chênh lệch nhưng không đáng kể. Tuy nhiên kết quả bảng 3 cho thấy vẫn còn một bộ phận CBQL, GV chưa quan tâm nhiều đến việc ứng dụng CNTT trong

kiểm tra đánh giá, điều này thể hiện ở nội dung 5 “Chỉ đạo việc ỨDCNTT vào việc xử lý điểm” có (52,94%) CBQL và (65,03) GV đánh giá ở mức 2 và mức 3; ở nội dung 6 “Động viên, khen thưởng cá nhân, tập thể có thành tích tốt trong việc ỨDCNTT để KTĐGkết quả học tập của học sinh” có (82,35%) CBQL và (91,8%) GV đánh giá ở mức 2 và mức 3 so với thang đo likert 5 mức độ thì vẫn còn thấp, các kết quả này có sự tương quan thuận trong đánh giá của CBQL, GV điều này cho thấy độ tin cậy của kết quả đánh giá. Như vậy có thể thấy rằng thực trạng việc kiểm tra ứng dụng CNTT trong học tập của HSTH Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh còn nhiều hạn chế cần phải cải tiến để nâng cao chất lượng.

3. Kết luận

Từ việc nghiên cứu lý luận và khảo sát phân tích, đánh giá thực trạng quản lý hoạt động dạy học ứng dụng CNTT trong học tập của HSTH Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh đã cho thấy bức tranh toàn cảnh về thực trạng về quản lý ứng dụng CNTT trong học tập của HSTH ở địa phương này, kết quả thực trạng đã cho thấy việc lập kế hoạch, tổ chức chỉ đạo đến việc KTĐG hoạt động ứng dụng CNTT trong học tập của HSTH Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh còn nhiều hạn chế cần phải có những biện pháp quản lý tác động phù hợp để nâng cao chất lượng dạy học đáp ứng yêu cầu của chương trình GDPT mới.

Tài liệu tham khảo

1. Azidah Abu Ziden, Issham Ismail, Robitah Spian and K. Kumutha, (2011), “The Effects of ICT Use in Teaching and Learning on Students’ Achievement in Science Subject in a Primary School in Malaysia”, Malaysia Journal of Distance Education 13, 19-32.
2. Deepa Awasthi (2014), “Utilising Audio Visual Aids to make”, [https://www.worldwidejournals.com/international-journal-of-scientific-research\(IJSR\)/recent_issues_pdf/2014/August/August_2014_1406986684_21.pdf](https://www.worldwidejournals.com/international-journal-of-scientific-research(IJSR)/recent_issues_pdf/2014/August/August_2014_1406986684_21.pdf).
3. Dr. David M. Kennedy, Andrew Klein và Creighton Peet (2010), “The Use of Technology for Teaching and Learning”, https://web.wpi.edu/Pubs/Eproject/Available/Eproject030410230553/unrestricted/The_Use_of_Technology_for_Teaching_and_Learning_in_Hong_Kong.pdf.
4. Đào Thái Lai(2003), *Ứng dụng CNTT trong dạy học ở trường phổ thông Việt Nam*, Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục, Hà Nội
5. Lê Hồng Vân(2015), “*Quản lý hoạt động ứng dụng CNTT vào dạy học ở các trường tiểu học huyện Đông Anh thành phố Hà Nội*”, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Giáo dục, Hà Nội.